

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Cả 4 HĐTL đều giảm điểm

## [Cổ phiếu tác động đến thị trường]

TCM, DBD

## [Quan điểm đầu tư]

Cân bằng lại vị thế trung hạn và cân nhắc đóng dần các vị thế ngắn hạn

13/12/2019

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	966.18	-0.21
VN30	880.55	-0.48
HĐTL VN30	881.50	-0.40
HNXIndex	102.94	+0.22
HNX30	181.40	+0.27
UPCoM	55.73	+0.38
USD/VNĐ	VND23,171	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.51	-1
Lãi suất qua đêm (%)	3.51	-15
Dầu (WTI, \$)	59.18	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,472.89	+0.21



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 966.18 (-0.21%)  
**KLGD (triệu CP)** 172.5 (+11.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 182.9 (+1.9%)

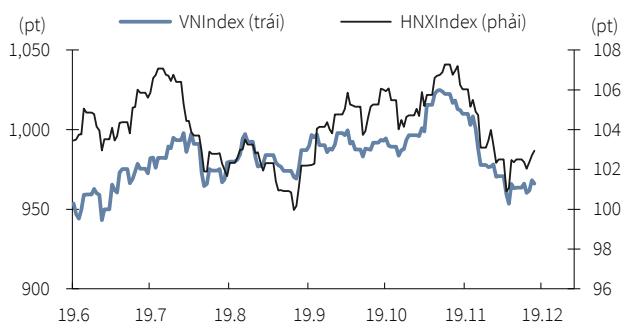
**HNXIndex** 102.94 (+0.22%)  
**KLGD (triệu CP)** 26.6 (+12.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 10.9 (+20.0%)

**UPCoM** 55.73 (+0.38%)  
**KLGD (triệu CP)** 10.0 (+72.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 5.0 (+20.9%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +0.0

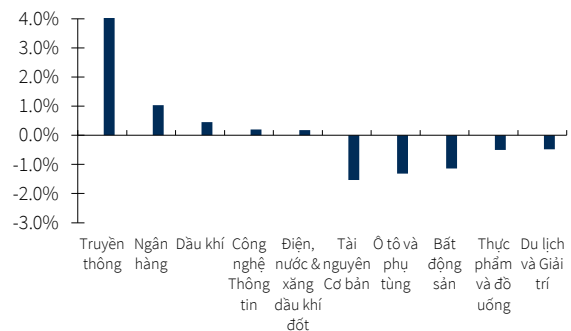
TTCK Việt Nam giảm điểm trong phiên hôm nay, đi ngược với xu hướng tăng điểm của các thị trường trong khu vực, với thanh khoản tăng và độ rộng thị trường nghiêng về số mã giảm điểm. Chỉ số VNIndex giao dịch tích cực trên mức tham chiếu trong phần lớn phiên giao dịch, trước khi áp lực bán gia tăng đột ngột về cuối phiên, tập trung ở các mã vốn hóa lớn như VHM, VNM, MSN, HPG... khiến chỉ số này quay đầu điều chỉnh. Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có 8 mã tăng và 16 mã giảm. Cổ phiếu ngành ngân hàng giao dịch tích cực phiên hôm nay với hầu hết các mã trong ngành tăng điểm, có thể kể đến VCB, BID, CTG.... Nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao tiếp tục giao dịch khởi sắc với các mã tăng mạnh như FIT, KLF, HAR, AMD... Khối nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ trở lại sau 3 phiên bán ròng liên tiếp trước đó, tập trung ở E1FVN30, CTG, ROS...

## VN Index & HNX Index



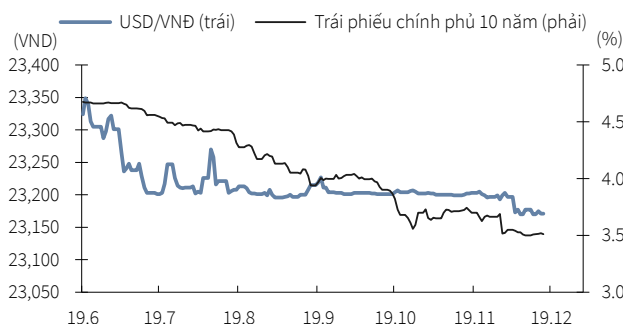
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>880.55 (-0.48%)</b>
<b>VN30 tương lai</b>	<b>881.5 (-0.40%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>888.3</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>888.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>881.0</b>

Cả 4 HĐTL đều giảm điểm trong phiên hôm nay, phù hợp với diễn biến điều chỉnh của chỉ số VN30 Index. Thanh khoản thị trường hồi phục, mặc dù vẫn ở mức thấp, trong khi khối lượng HĐ mở giảm nhẹ. Chênh lệch giữa các HĐ với chỉ số VN30 Index duy trì quanh mức 1-13 điểm.

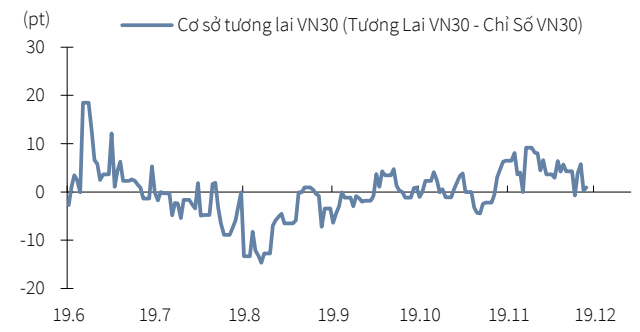
<b>Hợp đồng</b>	<b>69,448 (+6.9%)</b>
<b>KL HĐ mở OI</b>	<b>17,857 (-5.4%)</b>

## HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



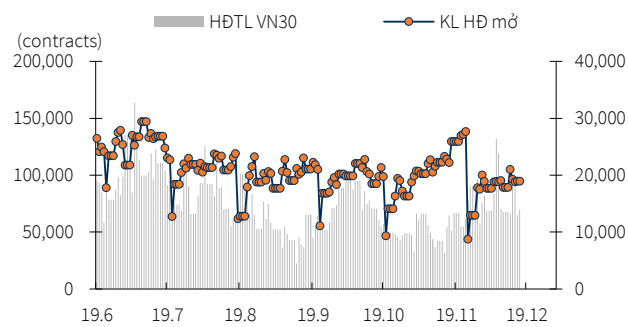
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



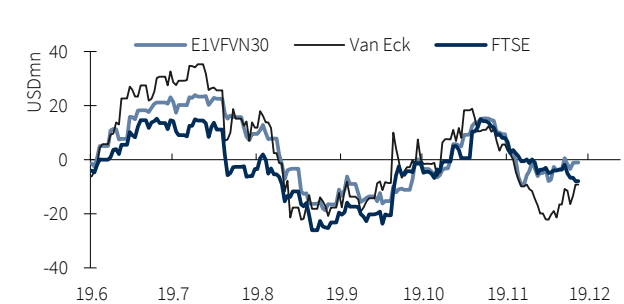
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

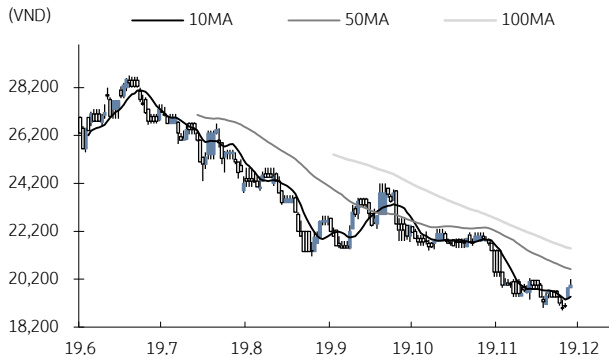
## Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

## Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (TCM)

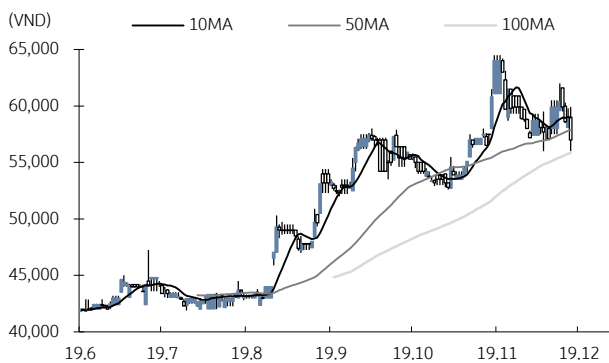


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCM tăng 0.5% lên mức 19,950 VNĐ/cp.

- TCM vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 11/2019 với doanh thu thuần xấp xỉ 12,8 triệu USD, giảm gần 8% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế tăng đến 151%, đạt 852.052 USD. Nguyên nhân lợi nhuận tăng đột biến được lý giải do cùng kỳ năm trước TCM phải trích lập dự phòng cho các khoản phải thu từ khách hàng Sears.

## Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (DBD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DBD giảm -3.4% xuống mức 19,950 VNĐ/cp.

- DBD vừa có tờ trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc nâng giới hạn tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 100% từ mức 49% như hiện tại. Cơ sở mà HĐQT DBD đưa ra tờ trình này là nhằm tăng tính thanh khoản cổ phiếu DBD trên thị trường chứng khoán, tối đa các lợi ích từ việc thu hút thêm nguồn vốn nước ngoài

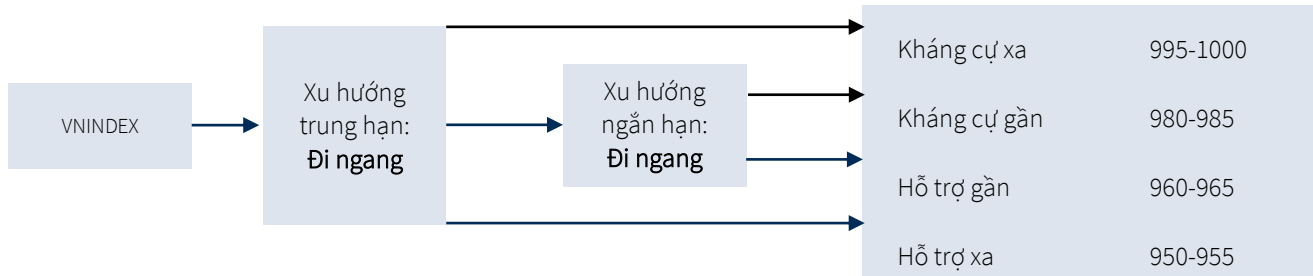
# Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

## Xu Hướng Kỹ Thuật

### Thị Trường Cơ Sở



### Xu hướng kỹ thuật



- Áp lực bán gia tăng khi VNIndex tiến gần vùng cản 974-980 khiến chỉ số quay đầu giảm về cuối phiên.
- Việc không thể tiến lên sâu trên vùng kháng cự trong khi nhiều mã bluechips đã bắt đầu hồi đủ nhịp và quay xuống khiến rủi ro tạo đỉnh ngắn hạn gia tăng.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị cân bằng lại vị thế trung hạn và cân nhắc đóng dần các vị thế ngắn hạn trong các phiên sắp tới tại các vùng kháng cự của các mã cổ phiếu riêng lẻ, đồng thời tham chiếu 1 phần vùng kháng cự của chỉ số chung.

## Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng quay đầu giảm điểm sau khi gặp kháng cự tại vùng 980.
- Độ lệch dương phiên hôm nay không biến động nhiều nhưng đã bị thu hẹp đáng kể cho thấy tâm lý thận trọng của bên Long.
- Sau khi đóng vị thế Long theo trend, nhà đầu tư được khuyến nghị có thể mở lại một phần trạng thái Long tại vùng hỗ trợ gần trên khung giờ, dưới 880 đối với HĐ tháng 12, nhưng chỉ xác định lợi nhuận kỳ vọng mỏng và đóng vị thế ngay trong phiên.

# KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

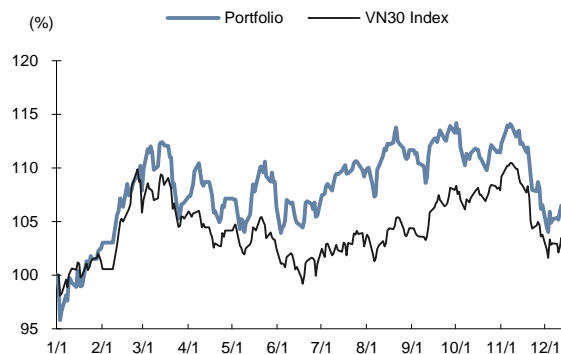
Khối Phân Tích KBSV

## Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng mỗi cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh vào đầu mỗi tháng).

	VN Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên (%)	-0.14	-0.48
Tăng lũy kế (YTD, %)	2.99	6.51

## So Sánh hiệu suất với VN Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/12/2019	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	113,000	-0.4%	-2.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,350	-0.2%	2.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,500	-0.6%	8.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,800	0.0%	10.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,500	-0.9%	7.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	57,100	0.2%	48.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadep Corp (GMD)	22/08/2018	23,600	2.2%	-11.4%	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Định Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,700	-0.6%	-6.6%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,800	-1.7%	15%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	17,400	0.0%	-15%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
E1VFN30	0.5%	98.9%	56.5
CTG	2.2%	29.3%	40.7
ROS	-0.4%	3.7%	23.5
VCB	1.0%	23.8%	19.1
BID	2.2%	18.0%	13.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.7%	38.1%	-38.6
VHM	-2.3%	15.0%	-12.0
MSN	-0.9%	39.3%	-11.2
VIC	0.0%	15.0%	-8.2
GAS	0.1%	3.6%	-6.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-1.0%	2.1%	1.5
SLS	-1.5%	1.9%	0.1
AMV	0.0%	1.9%	0.1
LAS	-4.8%	5.3%	0.1
TA9	0.0%	1.6%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PLC	-9.3%	4.3%	-9.3
PVS	0.0%	21.8%	-4.0
SHB	0.0%	10.9%	-2.3
HUT	4.2%	24.4%	-1.7
INN	0.0%	10.2%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	3.3%	TCH, DRC
Công nghệ Thông tin	3.0%	FPT, SAM
Ngân hàng	2.8%	VCB, BID
Bảo hiểm	2.7%	BVH, PGI
Bán lẻ	2.0%	MWG, SBV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-1.7%	PLX, POW
Bất động sản	-1.4%	VHM, VRE
Truyền thông	-1.3%	PNC, YEG
Du lịch và Giải trí	-1.1%	HVN, SCS
Xây dựng và Vật liệu	-0.7%	ROS, CTD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	6.4%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	6.0%	TCH, DRC
Y tế	1.9%	DCL, DMC
Công nghệ Thông tin	1.6%	FPT, SAM
Ngân hàng	1.5%	VCB, BID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-14.3%	YEG, PNC
Dầu khí	-5.1%	PLX, GAS
Bảo hiểm	-3.9%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	-3.9%	MSN, VNM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.3%	POW, GEG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	116,000	390,755 (16,862)	45,083 (1.9)	21.9	74.7	44.0	44.1	6.1	8.1	5.0	4.5	0.0	0.1	-2.5	21.7
	VHM	VINHOMES JSC	89,100	298,442 (12,878)	201,675 (8.7)	34.0	15.8	11.2	34.4	32.8	35.4	4.9	3.4	-2.3	-3.2	-8.2	21.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,550	78,132 (3,372)	176,313 (7.6)	16.3	28.2	22.1	8.5	9.6	10.8	2.6	2.4	-3.5	-3.0	-3.3	20.3
	NVL	NOVA LAND INVES	55,000	52,198 (2,252)	20,454 (0.9)	31.4	18.0	17.0	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	-1.8	-3.5	-3.8	-14.3
	KDH	KHANGDIENHOUSE	27,100	14,754 (637)	8,793 (0.4)	4.5	15.9	12.1	20.7	12.9	15.0	2.0	1.8	0.4	0.2	3.2	6.8
	DXG	DAT XANH GROUP	14,300	7,527 (321)	24,586 (1.1)	3.4	5.3	5.0	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	-2.1	2.9	-10.1	-23.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	88,400	327,865 (14,148)	52,124 (2.2)	6.2	20.0	15.6	24.5	24.4	24.4	4.0	3.1	1.0	4.1	-2.3	65.2
	BID	BANK FOR INVESTM	41,900	168,523 (7,272)	27,980 (1.2)	12.1	26.7	19.1	15.9	12.9	14.1	2.2	2.0	2.2	5.7	-2.3	21.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,150	81,028 (3,497)	31,773 (1.4)	0.0	8.6	7.3	8.5	16.8	16.5	1.3	1.1	0.0	0.0	-6.5	-10.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,600	76,702 (3,310)	68,393 (2.9)	0.7	10.3	8.3	30.5	10.8	13.4	1.0	0.9	2.2	1.5	-5.7	6.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,650	47,293 (2,041)	25,967 (1.1)	0.0	6.2	5.1	13.6	20.5	20.8	1.2	0.9	0.0	0.3	-8.6	-1.5
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,800	50,700 (2,188)	78,369 (3.4)	0.0	6.8	5.9	18.3	21.2	21.0	1.3	1.1	0.0	-0.2	-6.2	21.0
	HDB	HDBANK	27,950	27,419 (1,183)	43,138 (1.9)	6.2	8.6	7.3	12.8	18.7	19.5	1.5	1.3	-0.2	0.5	-5.3	-7.8
	STB	SACOMBANK	10,050	18,127 (782)	24,939 (1.1)	11.4	8.3	6.2	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	-0.5	0.5	-6.9	-15.9
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,000	17,358 (749)	4,052 (0.2)	0.0	7.0	5.4	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	0.0	-3.2	-6.9	5.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,800	20,654 (891)	2,417 (0.1)	0.0	26.9	26.1	9.4	5.1	8.0	1.3	1.3	0.3	-0.9	-9.7	19.6
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	68,000	47,660 (2,057)	9,423 (0.4)	23.7	39.5	29.7	19.2	8.3	9.6	2.8	2.6	0.0	3.3	-6.8	-23.6
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,150	2,298 (099)	1,249 (0.1)	11.5	26.9	-	-	7.9	-	1,009.6	-	-0.2	-2.3	-4.7	21.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	19,200	9,755 (421)	25,814 (1.1)	44.4	4.8	4.4	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	-1.0	-1.5	-11.3	-28.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	31,700	5,210 (225)	3,687 (0.2)	62.7	8.4	8.7	-14.5	16.0	13.9	1.3	1.1	-0.6	0.6	-6.6	-31.9
	HCM	HOCHIMINH CITY	22,850	6,981 (301)	21,861 (0.9)	42.7	19.4	13.4	-16.4	9.8	11.5	1.6	1.5	-0.2	-4.4	-11.4	-4.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,350	2,993 (129)	2,930 (0.1)	8.5	9.5	8.3	-4.2	11.4	12.3	0.9	0.9	-0.7	3.6	1.8	-12.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	118,000	205,483 (8,867)	124,623 (5.4)	41.5	21.1	19.9	6.9	38.7	38.1	7.3	6.7	-1.0	1.5	-6.0	-1.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	233,200	149,547 (6,453)	8,848 (0.4)	36.7	29.7	24.1	25.1	33.5	36.0	8.8	7.7	0.0	0.1	-7.5	-12.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	58,000	67,799 (2,926)	74,909 (3.2)	9.7	15.1	13.0	-1.7	13.9	14.5	2.0	1.7	-0.9	-7.2	-21.9	-25.2
	HNG	HOANGANH GIA LA	14,250	15,797 (682)	4,298 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	-1.7	-3.4	-10.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	144,500	75,695 (3,266)	64,154 (2.8)	10.3	13.8	11.9	6.4	38.0	37.3	4.7	3.7	-0.5	0.1	0.7	20.4
	GMD	GEMADEPT CORP	23,600	7,007 (302)	5,400 (0.2)	0.0	12.8	11.9	-44.5	9.5	9.7	1.1	1.1	2.2	3.5	-5.8	-9.8
	CII	HOCHIMINH CITY	22,750	5,638 (243)	7,158 (0.3)	19.0	11.1	10.1	147.6	11.0	12.2	-	-	0.0	-1.1	-5.2	-13.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	24,100	13,679 (590)	754,152 (32.5)	45.3	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-3.6	-3.4	-37.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,750	9,643 (416)	15,666 (0.7)	33.1	7.9	10.0	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	-0.8	-1.3	-5.0	2.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	62,000	4,730 (204)	4,575 (0.2)	1.2	7.0	7.4	-30.7	8.6	7.8	0.6	0.5	-1.6	-5.2	-11.7	-61.3
	REE	REE	36,500	11,317 (488)	23,863 (1.0)	0.0	6.4	6.2	1.1	16.8	15.9	1.1	0.9	-0.9	1.4	-2.9	18.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	98,000	187,567 (8,094)	33,877 (1.5)	45.4	15.5	15.5	2.4	25.9	25.7	3.9	3.6	0.1	0.0	-6.7	13.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,400	6,448 (278)	7,290 (0.3)	30.2	8.7	8.3	-0.1	20.1	20.3	1.8	1.7	0.0	-0.4	-3.9	-8.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	29,300	9,394 (405)	10,269 (0.4)	32.8	10.4	10.2	-13.3	16.5	16.3	1.7	1.6	1.0	3.2	12.3	61.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,800	65,714 (2,836)	140,959 (6.1)	10.9	9.0	7.1	7.0	16.9	18.2	1.4	1.2	-1.7	-0.2	5.1	0.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,300	5,205 (225)	3,230 (0.1)	30.0	20.2	12.2	-18.4	3.6	6.0	0.7	0.7	0.8	1.5	-5.0	-40.4
	DCM	PETROCA MAU FER	6,600	3,494 (151)	1,110 (0.0)	46.6	8.8	10.6	-	6.4	5.3	0.6	0.6	-1.5	-2.8	-6.9	-35.9
	HSG	HOA SENG GROUP	8,380	3,547 (153)	37,124 (1.6)	31.4	9.4	7.2	-6.4	6.7	8.0	0.6	0.5	-0.9	4.4	7.4	41.6
	AAA	AN PHAT PLASTIC	14,100	2,414 (104)	27,520 (1.2)	37.1	6.3	6.3	49.2	16.4	16.3	0.8	0.8	0.4	-0.7	-9.0	-4.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,400	65,971 (2,847)	11,608 (0.5)	6.6	16.9	16.5	10.2	19.4	20.0	3.1	3.1	0.4	-1.8	-7.0	4.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,850	6,254 (270)	25,238 (1.1)	28.5	38.8	28.2	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	1.4	-1.0	-8.6	11.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,750	4,714 (203)	7,270 (0.3)	17.2	10.4	7.2	3.1	13.2	13.4	0.9	0.8	0.0	-0.9	-2.3	6.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	113,000	50,024 (2,159)	74,879 (3.2)	0.0	13.4	10.7	25.6	34.4	32.1	4.1	3.1	-0.4	2.0	-5.8	29.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,500	18,584 (802)	31,645 (1.4)	0.0	16.8	14.0	20.7	27.8	28.2	4.0	3.3	-0.6	1.6	-2.9	19.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,200	1,186 (051)	1,127 (0.0)	67.7	-	24.2	-40.0	-4.1	3.6	0.9	0.9	6.9	0.8	-19.9	-82.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	27,050	2,136 (092)	3,014 (0.1)	1.3	6.7	6.3	0.0	25.7	22.8	1.5	1.3	0.0	-1.3	-31.1	-56.7
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	51,800	7,019 (303)	24,333 (1.0)	42.3	6.5	6.4	31.3	30.8	35.3	2.3	2.0	-0.4	-4.4	-5.8	54.9
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	95,000	12,421 (536)	1,050 (0.0)	45.6	20.8	19.6	4.0	20.1	20.0	3.7	3.5	-0.3	1.5	1.1	20.3
	PME	PYME PHARCO JSC	54,800	4,111 (177)	466 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	1.7	-0.4	-13.7
IT	FPT	FPT CORP	57,100	38,730 (1,671)	89,243 (3.8)	0.0	12.3	10.4	24.3	24.0	24.7	2.6	2.3	0.2	3.8	-5.6	48.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**  
anhdt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**  
trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**  
tungla@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**  
hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**  
tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công**  
conglt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền**  
huyenntt@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**  
harrison.kim@kbfng.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**  
dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh**  
danhnt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh**  
vinhn@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Marketing Research**

**Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin**  
shin.sy@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.